

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CỦA HỌC SINH LỚP 1 Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

NGUYỄN VĂN THÀNH^{1,*}, NGUYỄN TUẤN VĨNH²

¹Trường Tiểu học Tân lập, Tân Biên, Tây Ninh

¹Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*Email: thanhtanbien@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ thực hiện các nội dung quản lý hoạt động trải nghiệm của học sinh lớp 1 ở các trường tiểu học huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Kết quả khảo sát trên 34 cán bộ quản lý ở 11 trường tiểu học cho thấy các nội dung quản lý hoạt động trải nghiệm này đều được thực hiện đầy đủ và thường xuyên. Không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo giới tính, độ tuổi, thâm niên công tác, trình độ đào tạo ở tất cả các nội dung khảo sát. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động trải nghiệm của học sinh lớp 1 ở các trường tiểu học huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Từ khóa: Hoạt động trải nghiệm, học sinh lớp 1, trường tiểu học, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

1. MỞ ĐẦU

Đáp ứng yêu cầu bức thiết phải đổi mới Giáo dục, Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình Giáo dục phổ thông 2018 quy định chương trình tổng thể, chương trình môn học và hoạt động giáo dục của Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông. Trong đó, đối với cấp Tiểu học, nội dung môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc trong chương trình mới gồm mười môn học và một hoạt động hoạt động giáo dục (hoạt động trải nghiệm).

HĐTN (cấp tiểu học) là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

HĐTN là các hoạt động giáo dục thực tiễn được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường phổ thông. Thông qua việc tham gia vào các HĐTN, học sinh được phát huy vai trò chủ thể, tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của bản thân. HĐTN về cơ bản mang tính chất của hoạt động tập thể trên tinh thần tự chủ, với sự nỗ lực giáo dục nhằm phát triển khả năng sáng tạo và cá tính riêng của mỗi cá nhân trong tập thể (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Từ năm học 2020-2021, áp dụng chương trình giáo dục 2018 cho lớp 1 và nâng dần lên lớp 2, 3, 4 và 5 cho những năm học tiếp theo. Với cách tiếp cận và tên gọi mới, HĐTN trong chương trình giáo dục tiểu học dẫn đến một số khó khăn và lúng túng cho cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) trong quá trình thực hiện. Vì vậy, nghiên cứu lý luận và thực tiễn để đề xuất các

biện pháp quản lý HĐTN của HS lớp 1 là một việc làm cấp thiết để nâng cao hiệu quả tổ chức HĐTN trên cơ sở phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể khảo sát là 34 người là cán bộ quản lý ở 11 trường tiểu học thuộc 10 xã (thị trấn) trên địa bàn huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Trong số khách thể có 11 hiệu trưởng (33,4%), 12 phó hiệu trưởng (35,3%). Trong phạm vi nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy tổ trưởng chuyên môn tham gia quản lý trực tiếp việc tổ chức HĐTN đối với giáo viên khối 1. Vì vậy, đã khảo sát thêm 11 tổ trưởng chuyên môn khối 1 (32,4%) với tư cách là cán bộ quản lý.

Khách thể nghiên cứu có 14 người nam (41,2%) và 20 người nữ (58,8%); người có tuổi đời cao nhất là 59 tuổi, thấp nhất là 30 tuổi; người có thâm niên trong ngành giáo dục trên 20 năm có 22 người, từ 10 đến 20 năm có 11 người, chỉ có 1 người có 9 năm công tác; người có thâm niên làm công tác quản lý trên 20 năm có 6 người, từ 10 đến 20 năm có 14 người, số còn lại từ 1 năm đến 10 năm. Về trình độ chuyên môn, sau Đại học 1 người tỉ lệ 2,9% (Trên chuẩn), Đại học 30 người tỉ lệ 88,2% (Đạt chuẩn) và Cao đẳng 3 người tỉ lệ 8,8% (Chưa đạt chuẩn).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính là điều tra bằng bảng hỏi với công cụ là bảng hỏi gồm 05 câu hỏi tương ứng với 05 nội dung quản lý HĐTN được xác định trên cơ sở lý luận về khoa học quản lý giáo dục nói chung (Trần Kiểm, 2012) và những đặc trưng của quản lý HĐTN nói riêng đó là: (1) Quản lý xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1; (2) quản lý triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1; (3) Quản lý sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức HĐTN của HS lớp 1; (4) Quản lý cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1; (5) Quản lý công tác đánh giá HĐTN của học sinh lớp 1.

Mỗi câu hỏi gồm một số item tương ứng được thiết kế theo thang likert 5 mức độ. Quy ước giá trị khoảng được tính theo công thức $(\max - \min)/n$ tương ứng với $(5 - 1)/5 = 0,8$. Theo đó, ý nghĩa các mức độ như sau: 1,00 – 1,80: không bao giờ/không ảnh hưởng; 1,81 – 2,60: thỉnh thoảng/ít ảnh hưởng; 2,61 – 3,40: bình thường; 3,41 – 4,20: thường xuyên/ảnh hưởng nhiều; 4,21 – 5,00: rất thường xuyên/ảnh hưởng rất nhiều.

Số liệu khảo sát được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học thông qua phần mềm IBM SPSS 23.0. Độ tin cậy của thang đo được đảm bảo thông qua kiểm định hệ số Cronbach's Alpha đạt 0,935.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Số liệu khảo sát toàn bảng hỏi cho thấy tất cả các nội dung quản lý HĐTN của học sinh lớp 1 ở các trường tiểu học được CBQL thực hiện ở mức rất thường xuyên với điểm trung bình dao động từ 4,24 – 4,47. Điều này cho thấy tất cả các nội dung quản lý HĐTN đã được CBQL quan tâm thực hiện rất thường xuyên. Kiểm định thống kê không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về giới tính, trình độ chuyên môn, chức vụ công tác đối với tất cả các nội dung được nêu. Kết quả khảo sát chi tiết từng nội dung quản lý được trình bày cụ thể dưới đây.

3.1. Quản lý xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh lớp 1

Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1 được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Bảng 1. Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục của trường trong một năm học trong đó có kế hoạch tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1	4,44	0,50
Chỉ đạo tổ chuyên môn tổ 1, các bộ phận khác và GV xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN	4,35	0,49

Ghi chú: ĐTB – Điểm trung bình; ĐLC – Độ lệch chuẩn; $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Cán bộ quản lý trong phạm vi nghiên cứu đều chú trọng đến việc quản lý xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN của HS lớp 1 thể hiện ở tỉ lệ 100% số người được hỏi đều rất thường xuyên thực hiện nội dung công việc này. Điều này cho thấy các CBQL rất quan tâm đến việc quản lý xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN của HS lớp 1 ở đơn vị mình. Qua phỏng vấn, Tổ trưởng chuyên môn (TTCM) và một số GV lớp 1 cho biết họ được hiệu trưởng triển khai kế hoạch tổ chức HĐTN học kì và cả năm học, theo đó TTCM và GV xây dựng kế hoạch cụ thể. Các trường đều tổ chức kiểm tra việc lập kế hoạch tổ chức HĐTN của HS lớp 1. Trong năm học, TTCM và GV tiếp tục cụ thể hóa kế hoạch theo từng tuần theo tháng và nhà trường tiếp tục kiểm tra (định kỳ hoặc bất thường) và có đưa kết quả vào đánh giá xếp loại hồ sơ của tổ khối, giáo viên.

Tuy nhiên, qua phân tích một số bản kế hoạch tổ chức HĐTN chúng tôi thấy rằng phần xác định các biện pháp thực hiện còn chưa cụ thể, kế hoạch tổ chức các hoạt động trong các tuần của GV cũng chưa cụ thể, hình thức tổ chức chưa được phong phú. Vì vậy, để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh của GV, người hiệu trưởng cần phải quản lý chặt chẽ quy trình lập kế hoạch của TTCM và GV phụ trách.

3.2. Quản lý triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh lớp 1

Kết quả khảo sát về mức độ quản lý triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1 được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Bảng 2. Kết quả khảo sát về mức độ quản lý triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Phân công cán bộ quản lý trong Ban giám hiệu phụ trách trực tiếp các HĐTN	4,26	0,62
Phân công GVCN giữ vai trò chính, GV khác phối hợp trong tổ chức HĐTN của HS	4,47	0,56
Kiện toàn tổ khối chuyên môn, giao nhiệm vụ, ủy nhiệm quyền hạn cho các tổ trưởng trong chỉ đạo tổ chức hoạt động trải nghiệm	4,35	0,54
Thống nhất cơ chế phối hợp giữa GV với GV, GV với CMHS, với các tổ chức đoàn, đội và các lực lượng khác	4,44	0,50
Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV và các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN	4,29	0,63

Quản lý triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1 là nội dung công việc rất quan trọng bởi lẽ nó ảnh hưởng trực tiếp đến việc đạt được mục tiêu giáo dục đề ra. Kết quả khảo sát cho thấy việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN cũng được các CBQL tiến hành rất thường xuyên (chiếm tỷ lệ 100% số người được hỏi).

Qua phân tích các hồ sơ cá nhân về tổ chức HĐTN và quản lý tổ chức HĐTN cũng như trao đổi với CBQL nhà trường, tác giả nhận thấy hiệu trưởng đã triển khai hướng dẫn đầy đủ các công việc cần làm cho TTCM và GV. Điều này cho thấy các CBQL rất quan tâm đến công tác tổ chức HĐTN tại nhà trường.

3.3. Quản lý sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh lớp 1

Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1 được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Bảng 3. Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Phối kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường – gia đình – xã hội, trong đó nhà trường giữ vai trò chủ đạo và là cầu nối gắn kết ba lực lượng trên	4,41	0,56
Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thuận lợi và thống nhất giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong tổ chức HĐTN	4,41	0,50

Việc phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục có hiệu quả sẽ góp phần không nhỏ mang lại thành công khi tổ chức các HĐTN. Kết quả khảo sát cho thấy việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức HĐTN cũng được các CBQL tiến hành rất thường xuyên với điểm trung bình 4,41.

Hầu hết các trường đều xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội trong tổ chức các HĐTN; Xây dựng kế hoạch phối hợp tổ chức hoạt động hàng năm, xác định rõ mục tiêu, nội dung, hình thức, thời gian, trách nhiệm của các bên, nguồn lực cần thiết để tổ chức các HĐTN; Tổ chức, triển khai, chỉ đạo, kiểm tra, sơ tổng kết việc thực hiện cơ chế và kế hoạch phối hợp nhằm đảm bảo HĐTN của HS đạt được mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

Thực tế cho thấy nội dung này mặc dù rất được quan tâm, nhiều CBQL cho rằng quá trình thực hiện nội dung này đôi lúc vẫn gặp phải một số khó khăn trong quá trình triển khai phối hợp với các lực lượng bên ngoài nhà trường vì nhiều phụ huynh thiếu quan tâm còn “khoán trắng” việc giáo dục con em mình cho nhà trường, cầu nối từ GVCN với các lực lượng ngoài nhà trường chưa thật sự hiệu quả. Vì vậy, trong quá trình quản lý của mình, CBQL cần có những biện pháp hiệu quả nhằm khắc phục những khó khăn nêu trên.

3.4. Quản lý cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh lớp 1

Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1 ở các trường tiểu học được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Kết quả khảo sát nội dung này cũng được CBQL đánh giá là thực hiện ở mức độ thường xuyên với mức điểm trung bình 4,24 – 4,35. Trong đó, tiêu nội dung “Đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất không chỉ trong lớp học mà còn mở rộng ra ngoài không gian lớp học, không gian nhà trường và ngoài xã hội”, “Xây dựng kế hoạch hàng năm đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng phục vụ cho HĐTN” đều được 100% CBQL đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên – rất thường xuyên.

Báo cáo tổng kết HĐTN của các trường cũng đã đánh giá rằng: Việc đầu tư các nguồn lực, cơ sở hạ tầng và thiết bị, đặc biệt là hệ thống máy tính, công nghệ thông tin phục vụ cho HĐTN

của các trường đã và đang được quan tâm, thực hiện trong những năm gần đây. Các quy định về việc sử dụng và bảo quản cũng như các biện pháp kiểm kê, đánh giá hàng năm đã được chú trọng. Tuy vậy, theo trao đổi của một số CBQL, các trường cần tiếp tục đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị để đảm bảo phục vụ tốt hơn các hoạt động của nhà trường nói chung, tổ chức các HĐTN nói riêng đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018.

Bảng 4. Kết quả khảo sát về mức độ thực hiện quản lý cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho tổ chức HĐTN của học sinh lớp 1 ở các trường tiểu học

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Quản lý tốt hệ thống các phương tiện vật chất – kĩ thuật phục vụ tổ chức hoạt động trải nghiệm	4,24	0,61
Đảm bảo tốt các điều kiện về CSVC không chỉ trong lớp học mà còn mở rộng ra ngoài không gian lớp học, không gian nhà trường và ngoài xã hội	4,29	0,46
Xây dựng kế hoạch hàng năm đầu tư cơ sở vật chất, đồ dùng phục vụ cho hoạt động trải nghiệm	4,29	0,46
Chỉ đạo, quản lý sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đồ dùng sẵn có tổ chức các hoạt động trải nghiệm	4,35	0,49

3.5. Quản lý công tác đánh giá hoạt động trải nghiệm của học sinh lớp 1

Kết quả khảo sát về mức độ quản lý công tác đánh giá HĐTN của học sinh lớp 1 ở trường tiểu học được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Bảng 5. Kết quả khảo sát về mức độ quản lý công tác đánh giá HĐTN của học sinh lớp 1 ở trường tiểu học

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Xây dựng lực lượng đánh giá, xác định tiêu chuẩn đánh giá việc thực hiện HĐTN cụ thể, phù hợp	4,32	0,48
Đa dạng hóa hình thức và phương pháp đánh giá; chú ý đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình tổ chức HĐTN	4,35	0,49
Xác định nội dung, hình thức đánh giá, xây dựng tiêu chí đánh giá theo từng hoạt động trên cơ sở mục tiêu của hoạt động	4,24	0,50
Đánh giá công bằng hợp lý các kết quả thực hiện của GV, HS để làm cơ sở cho việc triển khai các hoạt động tiếp theo	4,32	0,48
Sử dụng kết quả đánh giá làm cơ sở để phát huy hay điều chỉnh việc thực hiện hiện các HĐTN cho những lần tiếp theo	4,29	0,46

Kiểm tra, đánh giá là chức năng rất quan trọng, không thể thiếu được trong hoạt động quản lý. Kiểm tra, đánh giá phải trở thành công việc thường xuyên, liên tục nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các hoạt động giáo dục có hiệu quả, đạt chất lượng cao. Kết quả khảo sát cho thấy các CBQL đều quan tâm đến công tác đánh giá HĐTN ở mức thường xuyên – rất thường xuyên chiếm tỷ lệ rất cao (trên 100% số người được hỏi).

Thực tế hiện nay, các nhà trường đều có xây dựng lực lượng tham gia kiểm tra đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường gồm ban giám hiệu, TTCM. Các tiêu chí đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường được xây dựng ngay từ đầu năm học và điều chỉnh qua trong Hội nghị cán bộ viên chức đầu năm, tuy nhiên việc xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể cho HĐTN chưa được các trường chú ý.

Qua trao đổi thực tế, tác giả còn nhận thấy: Công tác đánh giá HĐTN thường xuyên được triển khai theo năm học và theo học kỳ. Kiểm tra đánh giá theo tuần và theo công việc chưa được tiến

hành thường xuyên. Hoạt động này cần được tăng cường để kịp thời điều chỉnh những sai sót của GV, bằng cách thông qua người uỷ quyền quản lý như TTCM khối 1.

3.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động trải nghiệm của học sinh lớp 1

Kết quả khảo sát CBQL về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý HĐTN của học sinh lớp 1 thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

Xét theo điểm trung bình, hầu hết các yếu tố đều ảnh hưởng đến công tác quản lý HĐTN của HS lớp 1 ở mức độ rất nhiều. Yếu tố độ tuổi và thâm niên công tác của CBQL ở mức độ ảnh hưởng nhiều. Điều này cho thấy công tác quản lý HĐTN của CBQL hiện đang chịu ảnh hưởng rất lớn bởi những yếu tố trên. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả công tác quản lý HĐTN, cần có những tác động đến những yếu tố này.

Bảng 6. Kết quả khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý HĐTN của học sinh lớp 1

Yếu tố ảnh hưởng	ĐTB	ĐLC
Độ tuổi và thâm niên công tác của CBQL	3,85	0,99
Trình độ chuyên môn của CBQL	4,26	0,79
Nhận thức và năng lực của CBQL	4,35	0,77
Trình độ năng lực của đội ngũ GV	4,44	0,56
Cha mẹ HS và cộng đồng dân cư	4,26	0,51
Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường	4,53	0,56
Phương pháp đánh giá và cơ chế động viên khen thưởng	4,38	0,60

4. KẾT LUẬN

HĐTN là một hoạt động giáo dục rất quan trọng không thể thiếu trong chương trình giáo dục phổ thông nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng, nhằm hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh (quy định trong chương trình giáo dục phổ thông 2018), đồng thời góp phần tạo ra người công dân phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện hiệu quả hoạt động giáo dục quan trọng này, cần nhấn mạnh vai trò quản lý của CBQL nhà trường và các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN của học sinh. Kết quả nghiên cứu ở 11 trường tiểu học thuộc phạm vi nghiên cứu cho thấy, CBQL đã thực hiện rất thường xuyên và đầy đủ các nội dung quản lý hoạt động HĐTN của học sinh lớp 1. Đây là nguyên nhân chủ yếu để tạo nên chất lượng của hoạt động giáo dục này trong thời gian qua tại huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả quản lý HĐTN, cần phối hợp thực hiện các biện pháp sau: (1) Tổ chức nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh và các lực lượng giáo dục khác trong tổ chức các HĐTN của học sinh; (2) Đổi mới hình thức chỉ đạo HĐTN cho học sinh; (3) Tăng cường công tác bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ tham gia tổ chức HĐTN của học sinh; (4) Tăng cường các điều kiện hỗ trợ, phục vụ tổ chức HĐTN của học sinh; (5) Tăng cường sự phối kết hợp giữa gia đình – nhà trường – xã hội trong tổ chức HĐTN của học sinh; (6) Đổi mới, đẩy mạnh công tác đánh giá quá trình thực hiện và kết quả tổ chức HĐTN của học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông chương trình tổng thể*, Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.
- [2] Trần Kiểm (2012). *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Title: MANAGEMENT OF EXPERIENCE ACTIVITIES FOR GRADE 1 STUDENTS IN PRIMARY SCHOOLS AT TAN BIEN DISTRICT, TAY NINH PROVINCE

Abstract: This study was conducted to evaluate the management of experience activities for grade 1 students in primary schools at Tan Bien district, Tay Ninh province. Survey results on 235 managers at six universities show that managers implemented thoroughly and regularly the management of these educational activities. There were no statistically significant differences in any items by gender, age, working seniority, and training level. From the research results, we proposed some measures to improve the effectiveness of the management of experience activities for grade 1 students in primary schools at Tan Bien district, Tay Ninh province.

Keywords: Experience activities, grade 1 students, primary schools, Tan Bien district, Tay Ninh province.